

TÔN GIÁO - LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TÔN GIÁO Ở THẾ KỈ XXI: CÁC TRANH LUẬN VÀ KỊCH BẢN CÓ THỂ XẢY RA

NGUYỄN XUÂN NGHĨA^(*)

1. Cuộc tranh luận giữa “Thoát li khỏi tôn giáo” hay “Trở về của tôn giáo”

Sự phát triển mạnh của các khuynh hướng bảo thủ ở các tôn giáo trong thời gian gần đây và biến cố đánh bom tự sát của những người theo Islam giáo cực đoan vào Trung tâm Thương mại Thế giới ở New York ngày 11 tháng 9 năm 2001 đã khơi lên cuộc tranh luận về vai trò của tôn giáo qua câu nói nổi tiếng của André Malraux: “Thế kỉ XXI sẽ mang tính tôn giáo... hay là không gì cả”⁽¹⁾. Có một số người đặt nghi vấn có phải câu nói này là của A. Malraux hay không? Thật ra, nghi vấn trên cũng không quan trọng lắm vì chính A. Malraux đã cảnh báo về sự trống rỗng tâm linh của văn minh Phương Tây: “Đối diện với đe dọa khủng khiếp mà nhân loại đã trải qua, tôi nghĩ rằng nhiệm vụ của thế kỉ tới là phải đưa thần thánh vào lại trong xã hội con người”⁽²⁾. Nhưng có phải thần thánh của A. Malraux cũng là Thượng Đế của Bin Laden không?

Tuy nhiên, ngược lại với khuynh hướng trên, ở các nước Phương Tây, người ta vẫn tiếp tục chứng kiến sự giảm sút của thực hành tôn giáo, của số lượng tu sĩ, và nói chung của vai trò xã hội của

các tôn giáo định chế. Và vấn đề được đặt ra, phải chăng luận điểm của M. Weber về sự tan rã của thế giới thần linh trước quá trình duy lí hoá, phải chăng luận điểm về “sự thoát li ra khỏi tôn giáo” (*sortie de la religion*) của thời hiện đại vẫn còn giá trị?

1.1. Thoát li khỏi các tôn giáo

Người đưa ra luận điểm “thoát li khỏi tôn giáo” (*sortie de la religion*) chính là Marcel Gauchet trong tác phẩm nổi tiếng trong lĩnh vực xã hội học tôn giáo “*Ra khỏi thế giới thần tiên*” (hay còn có thể hiểu là “*Giải ma thuật hoá thế giới*”) (*Désenchantement du monde*). Thật ra, Gauchet đã lấy lại thuật ngữ M. Weber đã sử dụng⁽³⁾ mà nhiều nhà xã hội học cũng giải thích trong chiều hướng của thế tục hoá trong ý nghĩa về sự tàn lụi của tôn giáo. Trong thực tế, quan điểm của M. Weber phức tạp hơn và quá trình

*. TS., Trường Đại học Mở, Tp. Hồ Chí Minh.

1. Trong nhiều trích dẫn khác, từ *tôn giáo* được thay thế bằng từ *tâm linh* trong câu nói này.

2. F. Lenoir. *Malraux et le religieux*, Le Monde des religions, Sept. - Oct., 2005, tr. 5.

3. M. Weber. *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*. Bản dịch của Bùi Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghị, Nguyễn Tùng, Trần Hữu Quang. Nxb. Tri Thức, 2008, tr. 94, 114, 156.

thế tục hoá cũng không đơn giản, đơn tuyến.

Từ câu nói lừng danh của Đức Giêsu: “Cửa hoàng đế trả về hoàng đế, cửa Thiên Chúa *trả về Thiên Chúa*” (Mt, 22,21), M. Gauchet quan niệm, như vậy chính trong Kitô giáo ngay từ khi thành lập đã có quan điểm duy lí, quan điểm tách hai lĩnh vực hoạt động riêng biệt của chính trị và của tôn giáo. Chính vì vậy Gauchet đã lập luận: “Kitô giáo là tôn giáo của sự thoát li ra khỏi tôn giáo” (*Le christianisme est la religion de la sortie des religions*)⁽⁴⁾.

Trước sự trỗi dậy của tôn giáo, luận đề cũ về thế tục hoá - sự sút giảm của tôn giáo trong thời hiện đại - xem ra vẫn đứng vững ở các nước Tây Âu. Trong các nước Bắc Âu và Tây Âu, các nước theo Tin Lành

Luthero từ lâu có tỉ lệ thực hành tôn giáo thấp - từ 3 đến 7% đi lễ mỗi tuần. Ở các nước theo Tin Lành nhưng tỉ lệ người Công giáo còn khá cao như Đức, Hà Lan, tỉ lệ thực hành có giảm nhưng chậm. Các nước Công giáo chiếm đại bộ phận, trừ trường hợp Italia, có tỉ lệ thực hành giảm, ngay cả các nước Ái Nhĩ Lan, Tây Ban Nha. Ở Châu Mỹ, các nước có tỉ lệ Công giáo cao như Mêhicô, Argentina, tỉ lệ thực hành cũng giảm. Các nước Bắc Mỹ có tỉ lệ tín đồ Tin Lành cao, như Mỹ, Canada tỉ lệ thực hành có giảm chút ít (Xin xem bảng 1). Luận điểm giải thích đáng cho ta quan tâm, cho rằng Tin Lành đã qua quá trình thế tục hoá nội tại (*sécularisation interne*, - duy lí hoá, không linh thiêng hoá tầng lớp tu sĩ...), do đó đối diện tốt hơn với quá trình hiện đại hoá⁽⁵⁾.

Bảng 1: Tần số tham gia dịch vụ tôn giáo (% 1 lần hay hơn 1 lần /1 tuần)

	1981	1990	1995	2001	2005
*Châu Âu-Công giáo					
- Ái Nhĩ Lan	82	81		65	
- Italia	32	38		40	31,5
- Tây Ban Nha	40	29	25,4	26	15,7
- Pháp	11	10		8	7,2
* Châu Âu: Công giáo+Tin Lành					
- Đức (Tây)	19	18	13,5	16	13,5
- Anh	14	14		14	16,4
- Hà Lan	26	20		14	12
* Châu Âu: Tin Lành Luther					
- Thụy Điển	6	4	4	7	2,9
- Phần Lan	4	4	4	5	6,4
- Na Uy	5	5	5	5	5
- Đan Mạch	3	3		3	
* Châu Mỹ					
- Mêhicô	54	43	46,3	55	46,3
- Mỹ	43	44	42	46	37
- Canada	31	27		27	25
- Argentina	31	32	24,2	25	20,2
* Châu Á					
- Nhật Bản	3	3	2,7	4	3,3
- Hàn quốc	19	21		15	30,9

Nguồn: World Value Survey (WVS), 2001-2005. (*Lưu ý*: Những ô không có số liệu là do không có điều tra của WVS)

4. M. Gauchet. *Deusenchantement du monde*, Paris, Gallimard, 1985.

5. Nguyễn Xuân Nghĩa. *Tôn giáo trong thời hiện đại: thế tục hoá hay phi thế tục hoá*, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, số 2, 2003.

Không chỉ có sự giảm sút về sự thực hành, sự quy thuộc tôn giáo, số lượng người đi tu cũng giảm. Lấy trường hợp nước Pháp, thường được gọi là “trưởng nữ của Giáo hội”, trong cuộc điều tra ở Pháp năm 2007, chỉ còn 51% dân số tự nhận là Công giáo, 5% tự nhận là Kitô hữu (chrétiens, nói chung), 3% là Tin Lành⁽⁶⁾. Số linh mục năm 1970 là 45.059 đến 2004 chỉ còn phân nửa (22.185)⁽⁷⁾.

1.2. Sự trở về của các tôn giáo

Ngược lại xu thế của Tây Âu, tình hình tôn giáo nhìn chung trên thế giới có những chuyển biến khác. Không chỉ bắt đầu từ thế kỉ XXI, mà ngay thập niên cuối của thế kỉ XX đã xuất hiện những phong trào tôn giáo mới (mouvements religieux nouveaux), như New Age (Thời Mới). Các phong trào tôn giáo mới này được nghiên cứu bởi các chuyên gia như F. Champion, D. Hervieu-Léger. Riêng ở Việt Nam, Tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo* đã dành số 5 (11) 2001, cho chủ đề này.

Với các tôn giáo lịch sử, ngay trong thời hiện đại, người ta không khỏi ngạc nhiên với “hấp lực” (charisma) của các nhà lãnh đạo tôn giáo lớn như Gioan Phaolô II, Đạt Lai Đạt Ma, Ayatollah Khomeini, Luther King. Ngày Tuổi trẻ Thế giới là một sự kiện do Giáo hội Công giáo tổ chức với sự tham dự của Giáo hoàng đã quy tụ hơn cả triệu tín đồ: năm 1991 tại thành phố Czestochowa ở Ba Lan quy tụ 1,6 triệu người; ở Manila, Philippine (1995) 4 triệu; ở Paris (1997): 1,2 triệu; ở Roma (2000): 2 triệu; ở Cologne, Đức (2005): 1,2 triệu⁽⁸⁾. Trước trào lưu tục hoá, Giáo hội Công giáo, cũng có những phản ứng thích nghi, trên bình diện thần học trở về nền luân lí truyền thống, trên bình diện tổ chức, để thích ứng với trào

lưu cá thể hoá, đã hình thành những cộng đồng “đổi mới đặc sủng” (communautés de renouveau charismatique – chịu ảnh hưởng của Tin Lành Ngũ tuần trong việc nhấn mạnh khía cạnh cảm xúc trong kinh nghiệm niềm tin và việc biểu lộ công khai niềm tin).

Nhưng những phát triển ngoạn mục nhất của các tôn giáo lịch sử, vào những thập niên cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI, phải kể đến các phái Islam giáo và các phái Tin Lành bảo thủ.

Kể từ 2009, Islam giáo là tôn giáo có số lượng tín đồ đông nhất thế giới: 1,57 tỉ người chiếm 23% dân số thế giới⁽⁹⁾, trong khi Công giáo chỉ có 1,16 tỉ người (17% dân số thế giới). Kitô giáo nói chung chiếm hơn 2,1 tỉ (> 30% dân số thế giới). Sự phát triển và khuynh hướng phục hưng (Revivalism) Islam giáo được đánh dấu bằng cuộc cách mạng Islam giáo ở Iran vào những năm 1978-1979 và sau đó khuynh hướng toàn thủ (Fundamentalism) lan rộng ra các nước Islam giáo ở Bắc Phi, Trung Đông và Nam Á. Khomeini muốn điều hành nhà nước Iran theo luật pháp Islam giáo truyền thống - Sharia. Kinh Coran trở thành cơ sở cho đời sống chính trị, kinh tế và xã hội. Từ đây, phải tách biệt triệt để hơn nam giới và nữ giới. Khi đi ra

6. J-F Barbier-Bouvet. *La France est-elle encore catholiques ?*, *Le Monde des religions*, Jan.- Fév. 2007, p. 23.

7. C. Douillet, Y. Khoury. *L'église de France en chiffres*, *Le Monde des religions*, Jan. - Févr. 2007, p. 23.

8. *La journée mondiale de la jeunesse* trên : http://fr.wikipedia.org/wiki/Journ%C3%A9e_mondiale_de_la_jeunesse; tham khảo ngày 07-10-2010.

9. Pew Research Center. *Mapping the global Muslim*, Oct., 2009.

ngoài, ở những nơi công cộng, phụ nữ phải ăn mặc kín đáo, phủ khăn choàng đầu, không chấp nhận hiện tượng đồng tính, những người ngoại tình bị ném đá đến chết, v.v...

Song song với sự phát triển của Islam giáo bảo thủ là những giáo phái Tin Lành bảo thủ – như các phái Tin Lành Êvangêlic và phái Ngũ Tuần (hay Hiện xuống - Pentecôtisme). Tin Lành Êvangêlic phát triển nhanh ở Nam Mỹ, Châu Phi vùng hạ Sahara, ở Philippine, Hàn quốc, cả ở Trung quốc và Đông Âu, đặc biệt là Rumania. Ở các nước Phương Tây, Tin Lành Êvangêlic là phái năng động nhất ở Anh quốc, Hà Lan, Mỹ, Australia. Theo ước tính có khoảng 50 triệu người theo phái này ở Nam Mỹ, ở Châu Phi vài chục triệu và trên cả thế giới khoảng 200 triệu⁽¹⁰⁾. Trong 2,1 tỉ tín đồ Kitô giáo nói chung, phái Ngũ Tuần có đến hơn nửa tỉ người, được xem là “tôn giáo của những người nghèo”⁽¹¹⁾. Chính vì vậy, “Theo ý kiến của nhiều chuyên gia, phái Ngũ Tuần (Pentecôtisme) sẽ là tôn giáo của thế kỉ XXI”⁽¹²⁾.

Ở các nước Đông Âu, sự trở về của tôn giáo còn được đánh dấu bởi số lượng những người tự xác nhận là vô thần hay không tôn giáo giảm và người tự xem có tôn giáo gia tăng (xin xem bảng 2).

Bảng 2: Tỷ lệ% số người tự xác nhận là có tôn giáo ở một số nước Đông Âu (1990-2005)

	1990 (1)	1999 (2)	2005 (3)
- Ba lan	91	92	94,6
- Rumania	73	81	93,4
- Lithuania	47	74	
- Bungari	32	74	63,6
- Lettonia=Latvia	34	71	
- Slovenia	60	65	72,6
- Nga	52	60	73,6
- Hungary	54	58	

- Tiệp Khắc (trước đây)	46	55	
- Estonia	19	36	
- Đông Đức (trước đây)	33	27	

Nguồn (1) + (2): Yves Lambert, “Des changements dans l'évolution religieuse de l'Europe et de la Russie”, *Revue de Sociologie Française*, vol. 45, N° 2, 2004.

(3): World Values Survey, 2005-2008. Nguyễn Xuân Nghĩa xử lí số liệu. Những ô không có số liệu là do không có điều tra.

Trong một thế giới mà lĩnh vực kinh tế, kĩ thuật ngày càng mang tính toàn cầu hoá, sự trở về của các tôn giáo được đánh dấu bằng những biểu hiện tái khẳng định “căn cước” của các dân tộc, các nhóm người: kiến trúc tôn giáo được xây dựng, phụ nữ Islam giáo mang khăn quàng, thanh niên Công giáo khẳng định mình gắn bó với Giáo hoàng, sự phát triển nhanh các cửa hàng casher biểu hiện chủ nghĩa dân tộc của Ấn giáo. Chính Thống giáo Nga được xem như là yếu tố đã bảo tồn được căn tính Nga. Ngay cả Mỹ, liên minh giữa các phái Tin Lành toàn thủ với cánh hữu chính trị là nhằm khẳng định căn tính Kitô giáo của đất nước này... Sự khẳng định “căn cước” bằng tôn giáo không phải là ngẫu nhiên, bởi lẽ ngay từ buổi bình minh của nhân loại, tôn giáo đã là yếu tố chính của cố kết xã hội (Durkheim) - và từ đó hình thành căn tính của một nhóm người, một tộc người, một quốc gia và ngay cả một nền văn minh. Do đó, cũng dễ hiểu khi

10. David Martin. *La poussée évangéliste et ses effets politiques* trong P. Berger, *Le réenchantement du monde*, Sdd. tr. 62.

11. Fous de Dieu: les évangélistes à la conquête du monde, *Courrier International*, N° 735, de'c. 2004.

12. Henri Tincq. *La métamorphose de Dieu*, *Le Monde*, 26 Novembre, 1999.

tôn giáo được sử dụng như là công cụ trong các cuộc xung đột.

Sự trở về của tôn giáo còn được đánh dấu bởi “những tìm kiếm tâm linh” bùng nổ sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, khi con người “vỡ mộng” với một số ý thức hệ lớn đã một thời làm mưa làm gió. Hơn nữa, trong xã hội hiện đại, càng ngày càng có đông những cá nhân, sau những thành đạt xã hội, đầy đủ về mặt vật chất, muốn đi tìm sự thăng tiến tinh thần, đi tìm ý nghĩa của cuộc sống. Đây chính là lí do đánh dấu sự thành công của các linh đạo Phương Đông tại Phương Tây, như trường hợp đạo Phật ở Châu Âu, hay các linh đạo huyền bí của Kitô giáo, linh đạo Sufi ở Islam giáo, hay Kabbale ở Do Thái giáo. Việc đi tìm kiếm tâm linh này có thể thể hiện qua các tôn giáo truyền thống của cá nhân, hay trong một tôn giáo khác, hay bằng cách hỗn dung nhiều khuynh hướng tâm linh trong các tôn giáo khác nhau.

Như vậy, hai lối giải thích trái ngược nhau về tôn giáo ở thế kỉ XXI: “Thoát li khỏi tôn giáo” và “Trở lại của tôn giáo” đều tìm thấy những dữ kiện chứng minh cho luận điểm của riêng mình. Đi vào chi tiết hơn, các nhà nghiên cứu hình dung bốn kịch bản sau đây có thể xảy ra đối với tôn giáo ở thế kỉ XXI.

2. Các kịch bản có thể xảy ra

2.1 Kịch bản 1: Sự hồi phục của các tôn giáo truyền thống với sự đổi mới

Điểm đáng lưu ý, trong thời gian gần đây, ý kiến của nhiều nguyên thủ các cường quốc xem ra tích cực với các tôn giáo: “Sự hợp tác giữa các quốc gia, giữa các tôn giáo và các nền văn hoá là cơ sở của Nhà nước Nga” (Dimitri Medvedev).

Medvedev được rửa tội theo Chính Thống giáo khi đã 23 tuổi và khi được hỏi tại sao vậy, ông đã trả lời “Tôi cần điều đó. Tôi tin điều đó tốt cho tôi, vì cuộc đời tôi thay đổi sau đó”⁽¹³⁾. Cựu Thủ tướng Anh Tony Blair đã từng nói: “Tư tưởng của thời Khai sáng đã muốn cho chúng ta tin rằng tiến bộ không thể đảo ngược được của nhân loại đồng nghĩa với sự tàn lụi của các tôn giáo... Đó là sai lầm”. “Chính các tôn giáo là những tác nhân đầu tiên dạy cho chúng ta các nguyên tắc của nền luân lí phổ quát” (Nicolas Sarkozy)⁽¹⁴⁾. Và có lẽ chúng ta không cần trích dẫn quan điểm tôn giáo bảo thủ của cựu Tổng thống Mỹ G. Bush, người tự xem được “tái sinh” (Reborn) lại bởi tôn giáo. Cho dù họ có thành thật hay không, các nhà lãnh đạo chính trị khi tuyên bố như trên, mong muốn phản ánh một nhu cầu càng gia tăng của các cử tri của họ. Bên cạnh đó, họ đều thấy vai trò của các tôn giáo trong việc cố kết xã hội đang bị đe dọa bởi toàn cầu hóa và chủ nghĩa cá nhân.

Giải thích sự trở lại của các tôn giáo truyền thống, có thể nêu ra ba yếu tố chính. Trước hết thế mạnh của các tôn giáo truyền thống (hay còn gọi là tôn giáo lịch sử, tôn giáo “định chế” (có tổ chức)) là tính cộng đồng. Như từ nguyên của thuật ngữ này cho thấy tính liên kết cộng đồng là một trong các chức năng cơ bản của tôn giáo. Tôn giáo là cái nối kết

13. Strathmann C., Mchugh R., Clarke S. 2010. *Russia's Medvedev Reflects on Rise to Power, Religion and Rock Music*, trên <http://abcnews.go.com/GMA/russian-president-dmitry-medvedev-religion-music-rise-power/story?id=10357338&page=1>; tham khảo 25-10-2010.

14. Trích lại trong *Le regain des religions traditionnelles*, Philosophie, N°. 22, 2008, p. 40.

con người với một thực thể siêu nghiệm và qua đó nối kết con người lại với nhau (Religare; Relier, nối kết, theo giải thích của Lactane - thế kỉ III sau Công nguyên; để phân biệt quan điểm của Cicéron từ nguyên của tôn giáo là Relegere có nghĩa là đọc lại, kiểm chứng lại các lễ nghi mê tín. Cicéron đối lập tôn giáo với mê tín. Sau này, E. Bennéviste và J. Derrida có những quan điểm tiếp tục tranh luận về từ nguyên của tôn giáo). Tôn giáo nối kết qua lễ lạt, nghi thức, qua các chuẩn mực, giá trị chung. Tính cộng đồng của các tôn giáo truyền thống còn là một thể mạnh trong thời đại ngày nay khi các khuynh hướng khác – như khuynh hướng tâm linh – chỉ là những chọn lựa, thực hành mang tính cá nhân. Trong thời đại mà những thay đổi xảy ra nhanh chóng và dồn dập và vốn đề cao di động xã hội – trên các mặt không gian, thời gian và xã hội – và do đó có thể tạo ra các khủng hoảng căn tính, các tôn giáo truyền thống tạo ra cho các nhóm người các “căn cước”, bản thể chung.

Yếu tố thứ hai đã mang lại sự trỗi dậy của các tôn giáo truyền thống chính là hạn chế của khuynh hướng tâm linh mang tính cá nhân. Khuynh hướng này có thể làm cá nhân lạc lối, dẫn đến những hoang tưởng, hỗn loạn. Tổ chức tôn giáo biến cái bất khả kiến thành cái khả kiến. Sự tìm kiếm nội tâm, một lối đi khó khăn và dễ làm nản chí, đã được chỉ dẫn bằng những quan điểm chín chắn và được diễn tả rõ ràng, sau thời gian đã được tranh luận lâu dài và sâu sắc. Việc tìm kiếm cái linh thiêng được chỉ dẫn thông qua những biểu tượng rất phong phú, từ kiến trúc, âm nhạc, hội họa và các nghi lễ mang đầy ý nghĩa. Văn hoá tôn giáo thấm

vào toàn bộ cuộc sống của tín đồ: văn hoá ẩm thực với các kiêng kị, những ngày tháng ăn chay; văn hoá cơ thể (culture du corps): với việc điều khí khi thiền định, cầu nguyện; đáng đi, điệu bộ trong các lễ nghi, v.v... Các kinh sách, chuyện kể của tôn giáo có nhiều mức độ lí giải, phù hợp cả đối với giới bình dân cũng như trí thức. Tóm lại, tổ chức tôn giáo truyền thống giúp hữu hình hoá các mối quan hệ giữa con người và cái siêu việt.

Không chỉ có những nhà tư tưởng có tôn giáo mới đề cao tôn giáo truyền thống. Ngay cả Régis Debray, nhà trí thức Pháp từng gia nhập đảng cộng sản, đã từng hợp tác với Che Guevara ở Bôlivi và đã bị cầm tù, rồi tiếp tục cộng tác với Salvador Allende và Pablo Neruda ở Chilê, và tuyên bố ông không tin, nhưng trong cuốn sách xuất bản gần đây *Lửa thiêng: Các chức năng của tôn giáo* ông đưa ra, quan niệm tôn giáo là cần thiết cho tồn tại của con người⁽¹⁵⁾. Tôn giáo đã cống hiến các nghi thức tập thể, các biểu tượng và các cấm kị là những điều cần thiết cho mọi nền văn minh. Không đề cập đến nội dung thần học, ông nhấn mạnh đến tính giáo dục trong việc thực hiện các quan điểm tôn giáo. Trong khi phân biệt cái tâm linh là cái bên trong và cái tôn giáo mang tính tập thể và thể hiện ra bên ngoài, ông sợ rằng xã hội chúng ta - muốn lánh xa các tôn giáo vốn đã hình thành nên lịch sử của nó – có nguy cơ rơi vào một chủ nghĩa hư vô mang tính cá nhân.

Tính đặc thù, riêng biệt của từng tôn giáo cũng là một thể mạnh của các tôn

15. R. Debray. *Le feu sacré: fonctions du religieux*. Fayard, 2003.

giáo truyền thống. Rémi Brague, triết gia về tôn giáo đã phê bình các thuật ngữ như “các tôn giáo độc thần” (Monothéisme) - để chỉ các tôn giáo đề cao một Thượng Đế sáng tạo vạn vật như Do Thái giáo, Kitô giáo và Islam giáo (và một phần nào Ấn giáo). Theo ông, thuật ngữ này quá mơ hồ, bởi lẽ Thượng Đế trong các tôn giáo trên được quan niệm rất khác nhau. Vì vậy, theo tác giả, trước khi có một đối thoại các tôn giáo, cần có một tiếp cận cụ thể về các tôn giáo.

2.2. *Kịch bản 2: Sự lớn mạnh của chủ nghĩa vô thần*

“Bạn không tin vào Chúa? Bạn không phải là người duy nhất”. Câu khẩu hiệu này xuất hiện bên hông xe buýt ở Mỹ, từ mùa hè 2008, là sáng kiến của tổ chức vô thần mang tên *Hiệp hội những người nhân bản Mỹ* (American Humanist Association). Từ năm 1990 đến nay, ở Mỹ số lượng người không thuộc tổ chức tôn giáo nào gia tăng: 7% năm 1990, 14,1% năm 2001 và khoảng 16% năm 2009. Nhưng nên lưu ý trong số 16% này, có đến 67% khẳng định “tin vào Chúa” và chỉ 4% là vô thần hay bất khả tri (Agnostiques). Vào năm 2008, hai nhà xã hội học Michael Hout và Claude Fisher, thuộc đại học Berkeley, đã nghiên cứu hiện tượng này và cho thấy một trong những nguyên nhân của việc rời bỏ sự liên thuộc vào tôn giáo là một phản ứng chống lại cánh hữu tôn giáo ảnh hưởng lớn đến chính sách của tổng thống G. Bush. Họ không muốn đồng hoá với một tôn giáo để không bị liên kết với một trào lưu chính trị bảo thủ. Các tổ chức vô thần ở Mỹ thường cố tránh từ “vô thần” - có một ý nghĩa xấu ở Mỹ, vào năm 2005 đã thành lập một tổ chức vận

động hành lang (lobby), mang tên *Liên hiệp Liên minh Thế tục* (Secular Alliance Coalition), nhằm các mục tiêu chung sau đây: bảo vệ nguyên tắc phân li Nhà nước và Giáo hội mà điều khoản 1 bản Hiến pháp Mỹ đã quy định; theo dõi việc thực thi các quyền đối với người không tôn giáo. Một số khác trong Liên hiệp muốn xoá các biểu tượng tôn giáo trong không gian công cộng. Nhưng ý định này không thành công, bởi lẽ năm 2008, Toà án Tối cao đã bác đòi hỏi của Hiệp hội những người nhân bản ở Mỹ đòi xoá từ “Chúa” trên tờ đô la Mỹ và câu “Nhờ Chúa phù hộ tôi” trong diễn văn của Tổng thống Obama.

Trên bình diện tri thức, một số nhà triết học và khoa học - đại bộ phận thuộc văn hoá Anglo-Saxon - đã xuất bản một số ấn phẩm biện minh cho chủ nghĩa vô thần. Người nổi tiếng nhất là nhà sinh vật học người Anh R. Dawkins với tác phẩm *Áo tưởng về Chúa*, xuất bản năm 2006, nhà tâm lí học S. Harris, với *Kết thúc đức tin*, 2005; triết gia D. Dennett với *Đập vỡ bùa mê*, 2006; nhà vật lí V. Stenger với *Chúa - một giả thuyết thất bại*, 2007 và C. Hitchens với *Chúa không vĩ đại*, 2007, v.v... Một số tác giả dựa trên sự tiến bộ của sinh học và những kĩ thuật nano để đặt lại vấn đề tồn tại của tôn giáo. Aubrey de Grey xem tuổi già chỉ là một loại bệnh mà người ta sẽ vượt qua, cái chết sẽ được đẩy lùi. Đối với những người theo tôn giáo có những lĩnh vực mà con người không thể tri thức được, là những huyền nhiệm mà con người chỉ biết nghiêng mình tuân theo. Nhưng đối với một số nhà khoa học, cái không biết chỉ là cái chưa biết, một lỗ hổng sẽ được khoa học lấp đầy. Và tôn

giáo sẽ dần được thay thế bởi trí thức. Rồi đây tiến bộ của kĩ thuật sinh sản vô tính và việc chế tạo ra tử cung nhân tạo sẽ bác bỏ “mẫu nhiệm về sự sống”; việc tạo ra trí thông minh nhân tạo sẽ đặt lại những quan niệm thần học về linh hồn và tinh thần; với các kĩ thuật nano, các tế bào sẽ tự hình thành, khả năng thể chất và tinh thần của con người sẽ có những cải thiện lớn. Cái giới hạn lớn nhất của con người là cái chết sẽ bị đẩy lùi. Và thực tế đó, còn hơn bất kì luận cứ vững chắc nào, sẽ đặt lại vấn đề niềm tin tôn giáo.

Với sự phát triển của khoa học kĩ thuật, quá trình duy lí hoá đã “giải ma thuật hoá thế giới” theo ngôn ngữ của thi sĩ Schiller mà M. Weber đã sử dụng lại. Con người càng ngày càng ít tin tưởng vào các lễ nghi, vào các huyền niệm và nhìn thế giới dưới con mắt của lí tính. Và ngày nay, con người trong thời đại toàn cầu hoá lại càng khó tuân thủ theo những xác tín, các ứng xử của các tín điều cứng nhắc. Thêm vào đó, trào lưu tự do hoá các phong hoá, lối sống bắt đầu những năm 1960 đã gia tăng quá trình độc lập của cá nhân đối với những quy tắc do tôn giáo đặt định. M. Onfray, người cổ vũ chủ nghĩa vô thần, đã gắn liền sự phát triển tình dục với những tiến bộ của chủ nghĩa duy vật. Và với sự thắng thế của các khuynh hướng duy lí và duy vật, người ta có thể suy nghĩ đến viễn tượng tôn giáo càng tách rời trong tương quan với thế giới ngày nay?⁽¹⁶⁾

Ở Pháp hiện nay, số người tự xác nhận là vô thần chiếm khoảng 14% dân số⁽¹⁷⁾ và trong khuynh hướng vô thần nổi bật hai khuôn mặt trí thức M. Onfray và

A. Comte-Sponville. Onfray phê bình tôn giáo gay gắt: tôn giáo là công cụ để thống trị con người và tách li con người khỏi thực tại. A. Comte-Sponville có quan niệm uyển chuyển hơn, ông quan niệm vấn đề đạo đức, tâm linh không chỉ dành riêng cho người có tôn giáo. Ông là người đầu tiên đề cập đến khái niệm “tâm linh vô thần”, “tâm linh không Thượng Đế”, và phân biệt phạm trù *biết* và *tin* trong lĩnh vực tâm linh. Người vô thần là người tin Thượng Đế không tồn tại. “Nếu bạn gặp ai đó nói rằng: ‘Tôi biết Thượng Đế không tồn tại’, thì trước hết đó không phải là người vô thần, mà là một tên vô lại”⁽¹⁸⁾.

Những người đấu tranh cho chủ nghĩa vô thần ở Mỹ cho rằng họ là thiểu số cuối cùng còn bị kì thị. Và họ tin tưởng cuối cùng cũng sẽ giành được thắng lợi như các nhóm nữ quyền, các nhóm đồng tính - mặc dù là thiểu số - nhưng đã giành được sự thừa nhận của xã hội⁽¹⁹⁾.

2.3. Kịch bản 3: Thời đại của các hình thức tâm linh

Có những người không có, hay không thoả mãn với những xác tín vững chắc trong các tôn giáo truyền thống hay của khuynh hướng vô thần, nhưng lại cảm nhận một “cái gì đó” vô biên, siêu vượt cái thế giới đang tồn tại, và họ cũng không cảm nhận “chết là hết”, họ đi tìm để thoả mãn cái “khát vọng siêu vượt”

16. M. Eltchaninoff. *L'avènement de l'athéisme*. Philosophie, N°. 22, 2008, p. 46.

17. Y. Lambert. *L'Europe des 'athées convaincus'*, Le Religion dans le monde, Jan. - Févr., 2006.

18. L. Testot. *Comment vivre sans Dieu*, Sciences Humaines, N°. Mars-Avril-Mai, 2008, p. 41.

19. N. Journet. *La croisade du nouvel athéisme*. Sciences Humaines, N°. 214, 2010.

(soif de la transcendance) của mình⁽²⁰⁾. Những người nêu trên thường được xếp vào khuynh hướng tâm linh. Thật ra, thuật ngữ tâm linh hay “linh đạo” (spiritual path) có nội hàm không rõ ràng. Người ta thường bao gồm dưới thuật ngữ “tâm linh” những trải nghiệm, niềm tin không thể suy luận theo lí tính thông thường.

Trước hết, tâm linh được quan niệm như là một không gian vô hình, vô hạn bên kia thế giới mà chúng ta đang sống: “Thế giới bên kia chính là thế giới tâm linh...”, “Tin hay không tin là quyền của mỗi con người, nhưng đã là con người thì ai cũng rất bận tâm đến thế giới tâm linh và khát vọng hướng tới nó”⁽²¹⁾. Theo Phạm Đức Dương, cảm nghiệm về thế giới tâm linh có được là do cảm thức đối xứng, do suy tư của con người về cái chết và đây là nguồn gốc của tư duy tôn giáo. Cảm nghiệm về thế giới tâm linh cũng là nguồn gốc của những giá trị đạo đức và thẩm mĩ của con người. Nhưng ta không thể tiếp cận thế giới tâm linh bằng phương pháp khoa học mà bằng các phương pháp khác có thể là trực giác hay các trải nghiệm.

Tâm linh là một khát vọng, một kinh nghiệm của cá nhân vượt lên cái thế giới hữu hình để hoà vào cái tổng thể vô biên của vũ trụ, của tự nhiên mà Romain Rolland gọi là một “cảm thức đại dương” (sentiment océanique), Williams James gọi là “những trải nghiệm tôn giáo”. Nó không nhất thiết phải gắn với các tôn giáo hữu thần, gắn với Giáo hội cơ chế, bởi lẽ hiện nay phổ biến những “tâm linh nhưng không Giáo hội cơ chế”, “tâm linh ngoài cơ cấu”⁽²²⁾. Nó thể hiện như là khát vọng, một trải nghiệm huyền bí mà triết

gia vô thần André Comte-Sponville gọi là “nền tâm linh không có Chúa” và được mô tả như sau: “Không còn ngôn ngữ, không còn thiếu thốn, không còn đợi chờ: chỉ là hiện diện thuần túy với cái đang hiện diện... không còn cái tôi, không còn phân li, không còn biểu tượng: chỉ là sự biểu hiện lặng câm của cái toàn thể. Không còn phê phán giá trị: chỉ là thực tại. Không có đức tin. Không có hi vọng. Không có hứa hẹn. Chỉ có vẻ đẹp của cái toàn thể... Cái chết? Không là gì cả. Cuộc sống? Chỉ là nhịp đập của hữu thể trong tôi.” Và ông lặp lại câu nói của Spinoza “Chúng ta cảm nhận và trải nghiệm mình là bất tử”⁽²³⁾.

Cảm nghiệm tâm linh là thoát ra khỏi cái ngã của cá nhân, mở ra với thực tại vượt trên chúng ta nhưng đồng thời nó làm nên nhân loại: “Chúng ta là những hữu thể hữu hạn mở ra với cái vô hạn, những hữu thể thoáng qua mở ra với cái vĩnh hằng, những hữu thể tương đối mở ra với cái tuyệt đối. Tâm linh chính là trải nghiệm việc mở ra đó”. Những trải nghiệm trên không chỉ thực hiện bằng thiền định, tĩnh tâm mà còn có thể qua âm nhạc, qua thể thao, qua hành động hi sinh con người trải nghiệm việc vượt lên chính mình. Trải nghiệm vượt lên chính mình cho con người cảm thức về cái “siêu

20. Ví như quan điểm tâm linh của một số dân tộc Châu Á mà chúng tôi đã trình bày trong Nguyễn Xuân Nghĩa. *Tâm thức tôn giáo và lí thuyết thế tục hoá ở Châu Á và Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, số 2, 2010.

21. Phạm Đức Dương. *Thế giới tâm linh*. Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo. Số 3 (21), 2003, tr. 15-20.

22. Nguyễn Thái Hợp. *Khát vọng tâm linh thời toàn cầu hóa*, Chia sẻ, số 50, 2006, tr. 21-24.

23. A. Comte-Sponville. *L'Esprit de l'athéisme. Introduction à une spiritualité sans Dieu*. Livre de poche, pp. 165-166.

vượt trong cái nội tại”. Chính trong tác phẩm *Phê phán lí tính thực hành* mà Kant đã hình thành một cách rõ ràng quan niệm của ông về sự siêu vượt. Chính khi con người tuân theo quy luật đạo đức trong nó và quay mặt với các xu hướng tự nhiên mà con người nhận ra mình là một hữu thể siêu cảm xúc, một con người tự do. Với Kant nhân phẩm của con người được xác định như là sự tự do và tự do là tuân theo quy luật đạo đức⁽²⁴⁾.

Tuy nhiên, khát vọng tâm linh của cá nhân có thể dẫn đến những “con đường tâm linh chân chính”, nhưng cũng có thể dẫn đến các giáo phái lệch lạc và ngay cả các tà giáo hay hiện tượng “tẩu hỏa nhập ma” của cá nhân. Michel Lacroix đã liệt kê ra các nguy cơ lệch hướng của khuynh hướng tâm linh cá nhân: a) thay đổi nhanh chóng các lối thử nghiệm tâm linh (zapping spirituel); b) đòi hỏi kết quả tức thời vì xem tâm linh cũng là một sản phẩm tiêu thụ; c) “kĩ thuật hoá” tâm linh: xem tâm linh cũng là lĩnh vực điều khiển, kiểm soát được; d) ảo tưởng tự mãn; e) khuynh hướng duy ngã vi trung (Egocentrisme); d) hội chứng “ham của lạ”, bỏ qua những linh đạo, minh triết truyền thống gần gũi⁽²⁵⁾.

2.4. Kịch bản 4: Sự dụng độ của những chủ nghĩa cuồng tín

Đây là kịch bản tồi tệ nhất. Nhưng biến cố ngày 11-09-2001 ở Trung tâm Thương mại Thế giới cho thấy kịch bản này có thể xảy ra, như là một sự dụng độ - thông qua tôn giáo - giữa các nền văn minh”, theo thuật ngữ Samuel Huntington.

Chủ nghĩa cuồng tín không chỉ giới hạn trong lĩnh vực tôn giáo mà cả trong

lĩnh vực triết học, chính trị mà chủ nghĩa phát-xít là một minh chứng. Nhưng bài viết này giới hạn vào những khuynh hướng cuồng tín trong tôn giáo. Voltaire trong một mục của *Tự điển triết học bổ tuit* (Dictionnaire philosophique portative (1764), đã cho thấy người cuồng tín là người khát khao áp đặt cho người khác những xác tín tôn giáo của mình “là người tin chắc được lên Thiên Đàng bằng cách bóp cổ người khác”. Cuốn băng video của Al-Quaida thừa nhận đã gây nên âm mưu khủng bố vào tháng 3-2004 ở Madrid cho ta nghe thấy: “Quý vị yêu mạng sống, còn chúng tôi yêu cái chết, chính vì vậy chúng tôi sẽ chiến thắng”⁽²⁶⁾. Năm 2002, trong cuộc đánh bom của những người toàn thủ (Fundamentalists) Ấn giáo chống lại những theo người Islam giáo tại bang Gujarat đã làm cho 2.500 người chết. Ngày 26 tháng 7 năm 2008, tại Ahmedabad, Ấn Độ, 16 quả bom nổ làm chết 50 người, bị thương 150 người Hindu. Những nhóm toàn thủ Kitô giáo ít tính sát máu hơn, nhưng cũng không kém phần gây lo ngại do tính bất khoan dung của chúng. Mục sư Pat Robertson, thủ lĩnh của nhóm Êvangêlít Mỹ, lên tiếng tấn công những người đồng tính và những người theo nữ quyền và cho rằng biến cố 11-9 cũng một phần do tội lỗi của những người lệch lạc này gây ra. Hay gần đây, mục sư Terry Jones có ý đồ đốt 200 cuốn kinh Coran, nhân lễ tưởng niệm biến cố 11-9. Các nhóm chính

24. E. Kant. *Phê phán lí tính thực hành*, Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải, Hà Nội, Nxb. Tri thức, Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới, 2007.

25. B. Sauvaget. *Le sens déboussolé*, Le Monde des religions, N°. Sept.-Oct., 2005, p. 36.

26. A. Lacroix. *Le choc des fanatismes*. Philosophie, N°. 22, 2008, p. 52.

thống cực đoan ở Hi Lạp và Nga nhìn thấy thế giới chỉ toàn ma quỷ. Ở Itxraen, nhóm Haredim của những người Do Thái giáo cực đoan ném đá vào xe những người lái xe đi trong ngày sabát. Nhưng có phải “Thượng Đế là chỉ của Bin Laden không?”. Từ thế kỉ XVII, J. Locke trong *Thư về tính khoan dung* (Lettre sur la tolérance), đã viết rằng “chủ nghĩa cuồng tín là dấu chỉ ‘của dấu tranh của con người vì quyền lực và quyền bính’, một tín đồ Kitô giáo chống lại các tôn giáo khác không thực sự là tín đồ Kitô giáo vì thiếu những đức tính ‘bác ái, dịu dàng và nhân từ đối với người khác’, là những đức tính Đức Giêsu đã rao giảng⁽²⁷⁾”.

Một đặc điểm khác của khuynh hướng cuồng tín tôn giáo là không chấp nhận nguyên tắc thế tục (principe de laïcité) trong mối quan hệ giữa Nhà nước và các tổ chức tôn giáo, không chấp nhận tách rời tôn giáo và chính trị. Một số nước theo Islam giáo đã chấp nhận nguyên tắc thế tục như Ai Cập, Algieri, Thổ Nhĩ Kỳ và cả chế độ Shah ở Iran trước cuộc cách mạng Islam giáo năm 1978-79. Từ khi Ayatollah Khomeini lên nắm quyền, ông muốn tổ chức nhà nước theo luật lệ của Islam giáo cổ truyền trên mọi lĩnh vực của xã hội. Tuy nhiên cần phải thấy Islam giáo toàn thủ chỉ là một thiểu số nhỏ trong Islam giáo dòng Shi'ite (chỉ chiếm từ 10 đến 13% tổng số người theo Islam giáo), đại bộ phận còn lại theo dòng Sunni, có tư tưởng cởi mở và thích ứng được với xã hội hiện đại.

Đi tìm nguyên nhân của các khuynh hướng tôn giáo cuồng tín, triết gia người Đức Peter Sloterdijk trong cuốn sách *Sự diên cuồng của Thượng Đế* (Nxb. Maren Sell, 2008), đã cho rằng có sự đụng độ

giữa những tôn giáo nhất thần. Các tôn giáo nhất thần khi giải thích mọi hiện tượng quy về cái Đơn nhất, có nghĩa là đưa các thần thánh khác xuống hàng thứ yếu, đã chứa mầm mống của bạo lực. Ông đã hình dung ra các khả năng liên minh giữa hai trong ba tôn giáo nhất thần này để chống cái còn lại. Nhà tư tưởng Đức Hans Magnus Enzensberger trong cuốn sách *Kẻ thua cuộc cực đoan* (Nxb. Gallimard, 2006) không cho tôn giáo là nguyên nhân đầu tiên của các hành vi khủng bố, tôn giáo chỉ là cái cớ. Theo ông, chủ nghĩa tư bản trong thời đại cạnh tranh toàn cầu càng ngày càng làm gia tăng những kẻ bị thua thiệt, đó là những người thất nghiệp, những kẻ bị loại trừ, các dân tộc bị áp bức, đói khổ. Những người này, dân tộc này có nguy cơ trở thành cực đoan. Tác giả René Girard trong cuốn sách *Hoàn tất Clausewitz* (Nxb. Carnet Nord, 2007), có cái nhìn bi quan, ông cho thấy cái ‘chiến tranh chính nghĩa’ của Tổng thống G. Bush đã kích hoạt tư tưởng thánh chiến của các đồ đệ Muhammed. Và ông thấy thêm vào đó các cuộc chiến tranh diệt chủng, các thiên tai, thảm họa môi trường như là những dấu chỉ của thời tận thế. Theo ông, con người chỉ tránh được thảm họa đó bằng cách trở về với thông điệp tình yêu của Kitô giáo. Theo A. Giddens, nhà xã hội học số một của Anh quốc hiện nay, chủ nghĩa toàn thủ là một hiện tượng mới trong hai ba thập niên gần đây và là một phản ứng với quá trình hiện đại hoá và toàn cầu hoá. Bởi lẽ những lực lượng của quá trình hiện đại

27. [Http://classiques.uqac.ca/classiques/locke_john/lettre_sur_la_tolerance/lettre_sur_la_tolerance.html](http://classiques.uqac.ca/classiques/locke_john/lettre_sur_la_tolerance/lettre_sur_la_tolerance.html)
Tham khảo ngày 10-09-2010

hoá đã phá hoại một số yếu tố truyền thống cơ bản như gia đình hạt nhân, sự thống trị của nam giới, ảnh hưởng sâu đậm của tôn giáo, do đó chủ nghĩa toàn thủ nhằm bảo vệ các niềm tin truyền thống. Quá trình toàn cầu hoá đề cao tính duy lý, chủ nghĩa toàn thủ nhấn mạnh những quy chiếu dựa trên niềm tin. Tóm lại “chủ nghĩa toàn thủ là truyền thống được bảo vệ bằng phương cách truyền thống”⁽²⁸⁾.

3. Một vài nhận xét

Cuộc tranh luận về vai trò của tôn giáo trong thế kỉ XXI khó có thể đưa ra câu trả lời dứt khoát và có lẽ khó có kịch bản nào chiếm ưu thế hoàn toàn. Tuy nhiên, có những nhận định chung mà các nhà nghiên cứu đều cùng hướng đến.

Gauchet, tác giả của luận điểm “thoát li khỏi tôn giáo”, trong cuộc phỏng vấn năm 2008 trên tạp chí *Triết học* (Pháp) đã trả lời, luận điểm của ông vẫn còn có giá trị, nhưng cần hiểu đúng: “Tôi chưa bao giờ nói về cái chết của Thiên Chúa hoặc là sự biến mất của tôn giáo mà chỉ nói việc thoát li ra khỏi tổ chức tôn giáo”⁽²⁹⁾. Ông quan niệm cần phải hiểu tôn giáo không chỉ là những ý tưởng, những xác tín mà quan trọng hơn đó là cách hiện hữu của những cộng đồng người, là việc cấu trúc hoá không gian xã hội của con người trong tính tổng thể của nó. Thoát li ra khỏi tôn giáo là chuyển từ phương cách bao trùm của tôn giáo trong xã hội cổ truyền sang phương cách mang tính xác tín cá nhân. Tuy nhiên, ông cũng đồng thời thừa nhận quá trình thế tục hoá ở Châu Âu là một kết quả đặc thù của lịch sử, nhưng hiện nay đang ở trong một giai đoạn mới: tôn giáo

không còn nắm toàn bộ xã hội nữa, nó không còn là một lực đối kháng, và ngược đời thay chính tình trạng này lại trao lại cho tôn giáo quyền tồn tại trong xã hội, tái hội nhập vào không gian công cộng với những đóng góp có ý nghĩa cho những vấn đề xã hội đặt ra.

Xã hội con người bước vào giai đoạn cuối của thời hiện đại, hay còn gọi là cực hiện đại (*ultramodernité*) với quá trình toàn cầu hoá. Điều này tạo ra các khó khăn, khắc khoải, lo âu, thậm chí cả khủng hoảng cho căn tính của các cộng đồng và cá nhân. Đây là lí do giải thích việc “quay trở về của tôn giáo” – như là gia sản của cộng đồng – để tìm lại căn tính. Trong thời hiện đại, con người đã giành được sự độc lập cá nhân, nhưng giờ đây con người lại cô đơn, mệt mỏi trước những vấn đề hiện hữu, vấn đề đạo đức mà cá nhân phải đối diện và hồi tưởng lại những xác tín đã cùng chia sẻ với những đồng đạo khác. Trong một thế giới chỉ đề cao sự thành công, hưởng thụ và tiêu thụ vật chất, đồng thời muốn quên đi những những vấn nạn của hiện sinh như sinh, bệnh, lão, tử, cái ác, sự đau khổ, v.v..., tôn giáo đã đáp ứng nhu cầu đi tìm ý nghĩa của cuộc đời và cung ứng những phương cách để đối diện những vấn nạn nêu trên.

Ngày nay các tín đồ của các tôn giáo lịch sử hành đạo dựa trên một ý thức tự nguyện cá nhân mạnh hơn. Họ biết phân biệt khía cạnh “trần tục” và khía cạnh “tôn giáo” của tôn giáo. Luận điểm của M.

28. A. Giddens. *Sociology*, 6th ed., Polity Press, 2009, p. 710.

29. M. Gauchet, M. Legros. *Les religions combinent un vide du discours social*, Philosophie, N^o. 22, 2008, p. 54.

Weber vẫn còn giá trị, lối sống đạo đức khổ hạnh cá nhân không làm họ tách rời xã hội, ngược lại sự dần thân xã hội của họ mạnh hơn trong trào lưu “thế tục hoá nội tại” của tôn giáo. Các phái Tin Lành Êvangêlic và Ngũ Tuần phát triển là do thích ứng với xu hướng cá thể hoá đặt cơ sở trên trải nghiệm của chủ thể và cảm xúc cá nhân, đề cao sự bình đẳng và vai trò của phụ nữ của thời hiện đại. Hơn thế nữa, các phái Tin Lành này đã thay đổi, theo hướng tích cực, thái độ của tín đồ đối với lao động, sự tiêu thụ và vai trò của giáo dục.

Khuynh hướng vô thần ngày nay không còn như trước đây và càng ngày càng hướng về thuyết bất khả tri (Agnosticisme) hay khuynh hướng vô thần tâm linh (spiritualité athée). Và càng ngày càng có nhiều người quan niệm những vấn đề mà các khoa học thực nghiệm muốn tìm hiểu không phải là những vấn đề mà các tôn giáo muốn cung ứng những giải đáp.

Các khuynh hướng bảo thủ và cuồng tín trong các tôn giáo là phản ứng chống

lại quá trình hiện đại hoá mà một thuộc tính căn bản của nó là tách tôn giáo ra khỏi chính trị và tôn giáo không còn là một định chế bao trùm. Quá trình hiện đại hoá này đã tạo ra cú sốc về văn hoá và về căn tính trong một số xã hội vẫn còn đậm ảnh hưởng của tôn giáo. Các khuynh hướng toàn thủ muốn lập lại tổ chức tôn giáo trên toàn thế giới, nhưng họ lại thực hành điều này trong khuôn khổ của hiện đại hoá, bằng các phương tiện hiện đại và với những con người không còn truyền thống. Đây là điều mâu thuẫn và đặt họ đối nghịch với cái thế giới tôn giáo mà họ muốn đưa về. “Họ có thể tạo ra nhiều thiệt hại, nhưng họ đeo đuổi một nhiệm vụ bất khả thi”⁽³⁰⁾.

Một vấn đề quan trọng được đặt ra: trong các tôn giáo đã có mầm mống của chia rẽ, của bạo lực hay chính con người đã gán cho Thượng Đế bộ mặt như vậy để che dấu những tham vọng quyền lực, để biện minh cho tính cuồng tín, không bao dung của chính mình?

30. M. Gauchet. 2008, Ibid, p. 55.